

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/12/2020

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Cum Anh, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 87/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Võ Thị Bích T1**, sinh năm 1976

Địa chỉ: X ấp Đ, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: ông **Trần Dũng T2**, sinh năm 1972

Địa chỉ: X ấp Đ, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Võ Thị Bích T1 trình bày: bà và ông Trần Dũng T2 tiến đến hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ ngày 27/6/2003. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T2 không lo làm ăn, không lo cho vợ con. Bà đã cho cơ hội sửa đổi nhưng ông T2 không thay đổi mà còn có hành vi ghen tuông, hăm dọa, đánh đập bà. Hiện tại không thể hàn gắn được tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Dũng T2. Về con chung: có 02 con tên Trần Võ Như H (nữ), sinh ngày 08/10/1999 và Trần Võ Như N (nữ), sinh ngày 11/6/2002 (đã trưởng thành). Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Thị Bích T1 có đơn khởi kiện đối với ông Trần Dũng T2 về việc yêu cầu được ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”. Ông T2 có nơi cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T2 luôn vắng mặt. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án để ông T2 đến tham dự các phiên họp và hòa giải vào ngày 06/8/2020 và 09/9/2020 ông T2 không đến nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã đưa vụ kiện ra xét xử ngày 19/11/2020 nhưng ông T2 vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, ông T2 vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T2 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Võ Thị Bích T1 và ông Trần Dũng T2 tự nguyện chung sống vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ ngày 27/6/2003 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Do ông T2 vắng mặt, không thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của bà T1 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Bà T1 và ông T2 có thời gian dài chung sống, mâu thuẫn phát sinh do ông T2 không chí thú làm ăn để chăm lo cho cuộc sống gia đình. Bà T1 đã cho cơ hội sửa đổi nhưng ông T2 không thay đổi mà còn có hành vi ghen tuông, hăm dọa, đánh đập bà. Bà T1 khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, ông T2 luôn vắng mặt điều này cho thấy ông T2 không muốn duy trì quan hệ hôn nhân này. Xét, mâu thuẫn giữa ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1.

[4] Về con chung, ông T2, bà T1 có 02 người con tên Trần Võ Như H (nữ), sinh ngày 08/10/1999 và Trần Võ Như N (nữ), sinh ngày 11/6/2002 đã thành niên.

[5] Về tài sản chung bà T1 không yêu cầu giải quyết, về nợ chung bà T1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Bích T1 đối với ông Trần Dũng T2.

- *Về con chung*: Trần Võ Như H (nữ), sinh ngày 08/10/1999 và Trần Võ Như N (nữ), sinh ngày 11/6/2002 đã thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không đặt ra xem xét.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà T1 nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 017481 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H. P ;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND xã T;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa